



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 2700283389 ngày 05 tháng 01 năm 2016

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2700283389 ngày 5 tháng 1 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Bình cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Tống Đức Chính	Chủ tịch
Ông Trịnh Văn Đoàn	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Hiền	Thành viên
Ông Võ Phùng Thuận	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên

**Ban kiểm soát**

Bà Lương Thị Thúy	Trưởng ban ( <i>từ ngày 24/5/2016</i> )
Bà Nguyễn Thị Tường Vi	Trưởng ban ( <i>đến ngày 24/5/2016</i> )
Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên ( <i>từ ngày 24/5/2016</i> )
Ông Trần Ngọc Thọ	Thành viên ( <i>đến ngày 24/5/2016</i> )
Ông Phạm Hoàng Giang	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trịnh Văn Đoàn	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

**Trụ sở đăng ký**

Số 1, Đường Hoàng Diệu, Phường Thanh Bình  
Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trình Văn Đoàn  
Tổng Giám đốc

Ninh Bình, 12-08-2016

**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,  
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600

Fax: +84 4 3946 1601

www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông,  
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ nhưng lưu ý đến Thuyết minh 3(f) trong báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty trích trước và ghi nhận chi phí phát sinh cho các hạng mục sửa chữa tài sản cố định theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKT ngày 3 tháng 9 năm 2015. Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN, chi phí sửa chữa tài sản cố định được trích trước vào Giá vốn hàng bán trong kỳ và Chi phí phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa hàng năm được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí cho các hạng mục sửa chữa đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các hạng mục này, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục Xây dựng cơ bản dở dang và Chi phí phải trả ngắn hạn. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so quy định Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó có điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày tại Thuyết minh 3(f) của báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 lần lượt được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2016 và báo cáo soát xét ngày 10 tháng 8 năm 2015.

## Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-01-299



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>412.145.115.760</b>	<b>347.148.087.959</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>140.427.752.488</b>	<b>71.621.145.739</b>
Tiền	111		120.427.752.488	41.621.145.739
Các khoản tương đương tiền	112		20.000.000.000	30.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>10.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	10.000.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>197.266.249.973</b>	<b>189.279.403.661</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	182.675.359.298	172.097.848.328
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.036.080.069	4.684.852.900
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	12.554.810.606	12.496.702.433
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>73.014.096.469</b>	<b>75.572.076.763</b>
Hàng tồn kho	141		73.112.323.398	75.670.303.692
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(98.226.929)	(98.226.929)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.437.016.830</b>	<b>675.461.796</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.437.016.830	675.461.796
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>73.258.273.328</b>	<b>33.382.265.901</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.736.696.989</b>	<b>20.234.025.302</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	18.736.696.989	20.234.025.302
<i>Nguyên giá</i>	222		445.062.136.482	443.334.187.846
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(426.325.439.493)	(423.100.162.544)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>48.678.562.451</b>	<b>6.211.823.239</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	48.678.562.451	6.211.823.239
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.343.013.888</b>	<b>4.436.417.360</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	3.343.013.888	4.436.417.360
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>485.403.389.088</b>	<b>380.530.353.860</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>228.536.719.094</b>	<b>110.866.073.289</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>228.536.719.094</b>	<b>110.866.073.289</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	114.766.835.181	34.765.047.090
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	17.984.253.641	14.600.331.898
Phải trả người lao động	314		25.498.472.102	41.899.927.977
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	34.485.300.424	8.025.160.804
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	101.047.056
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	24.284.919.221	7.951.450.539
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	11.516.938.525	3.523.107.925
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>256.866.669.994</b>	<b>269.664.280.571</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>256.866.669.994</b>	<b>269.664.280.571</b>
Vốn cổ phần	411	22	128.655.000.000	128.655.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.655.000.000	128.655.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		24.388.054.262	22.981.729.262
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	63.252.807.461	49.997.002.461
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		40.570.808.271	68.030.548.848
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		23.955.188.848	19.156.789.151
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		16.615.619.423	48.873.759.697
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>485.403.389.088</b>	<b>380.530.353.860</b>

12 -08- 2016

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình  
 Người lập

Người duyệt:



Lương Thị Nguyệt  
 Kế toán trưởng



Trịnh Văn Đoàn  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	352.819.068.549	349.672.861.457
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	311.633.051.924	323.868.219.481
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>41.186.016.625</b>	<b>25.804.641.976</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	453.044.499	189.499.085
Chi phí bán hàng	25		131.443.890	118.860.300
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	20.914.526.409	19.285.816.790
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - 25 - 26}</b>	<b>30</b>		<b>20.593.090.825</b>	<b>6.589.463.971</b>
Thu nhập khác	31		1.211.766.266	1.244.664.147
Chi phí khác	32		951.129.915	1.033.603.799
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>260.636.351</b>	<b>211.060.348</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>20.853.727.176</b>	<b>6.800.524.319</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4.238.107.753	1.515.364.574
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>16.615.619.423</b>	<b>5.285.159.745</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần	70	31	1.291	411

12 -08- 2016

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập

Người duyệt:



Lương Thị Nguyệt  
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Đoàn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		20.853.727.176	6.800.524.319
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		3.225.276.949	3.914.358.128
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(453.044.499)	(189.499.085)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>23.625.959.626</b>	<b>10.525.383.362</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(7.986.846.312)	24.150.683.177
Biến động hàng tồn kho	10		(1.833.593.833)	15.370.231.896
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		88.437.302.423	46.918.599.281
Biến động chi phí trả trước	12		331.848.438	654.548.496
			<b>102.574.670.342</b>	<b>97.619.446.212</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.359.207.971)	(5.780.120.704)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		40.250.000	15.300.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.161.399.400)	(2.097.235.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>87.094.312.971</b>	<b>89.757.389.908</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(28.670.238.721)	(918.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay	27		453.044.499	161.558.345
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(18.217.194.222)</b>	<b>(756.441.655)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền trả cổ tức	36		(70.512.000)	(10.124.131.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(70.512.000)</b>	<b>(10.124.131.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>68.806.606.749</b>	<b>78.876.816.853</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>71.621.145.739</b>	<b>52.543.937.920</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>140.427.752.488</b>	<b>131.420.754.773</b>

**12-08-2016**

Người lập:

Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập

Người duyệt:

Lương Thị Nguyệt  
Kế toán trưởngTrịnh Văn Đoàn  
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

# **Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất điện;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác bao gồm: sản xuất đất đèn, vật liệu xây dựng, phụ gia xi măng;
- Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện, nhiệt, cơ, công trình kiến trúc nhà máy điện;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Đường dây và trạm biến áp;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư tài chính xây dựng các dự án nguồn điện;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị nhà máy điện; và
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác. Chi tiết: Lập dự án đầu tư, xây dựng, quản lý các dự án xây dựng, tư vấn giám sát thi công lắp đặt công trình.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 619 nhân viên (1/1/2016: 657 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(b) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(c) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (e) Tài sản cố định hữu hình

#### (i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

#### (ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8 năm
▪ thiết bị quản lý	3 - 5 năm

### (f) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị các hạng mục sửa chữa tài sản cố định của Công ty chưa được hoàn thành. Khi hoàn thành, giá trị của các hạng mục này sẽ được i) chuyển sang tài sản cố định nếu đủ điều kiện để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định tương ứng; ii) chuyển sang chi phí trả trước để phân bổ dần nếu hạng mục sửa chữa có giá trị lớn và không đủ điều kiện để ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; hoặc iii) ghi nhận là chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ nếu hạng mục có tính chất sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, chi phí sửa chữa tài sản cố định được trích trước vào Giá vốn hàng bán trong kỳ và Chi phí phải trả ngắn hạn dựa trên kế hoạch sửa chữa hàng năm được Hội đồng Quản trị phê duyệt và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Chi phí cho các công trình sửa chữa đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được ghi nhận trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các hạng mục này, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục Xây dựng cơ bản dở dang và Chi phí phải trả ngắn hạn. Hướng dẫn nêu trên của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so quy định Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo VAS 18 thì giá vốn hàng bán và lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 26.882.125.000 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 24.942.706.500 VND), tài khoản “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ tăng 21.505.700.000 VND (1/1/2016: Không), các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 sẽ giảm tương ứng 5.615.016.957 VND và 32.497.136.957 VND (1/1/2016: các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” giảm cùng một khoản là 5.615.016.957 VND).

**(g) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(h) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ**

Khoản dự phòng về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ liên quan chủ yếu đến một số máy móc và thiết bị cần thiết phải sửa chữa và bảo dưỡng định kỳ theo yêu cầu kỹ thuật. Khoản dự phòng được lập hàng năm dựa trên ước tính của Công ty về chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định phát sinh và được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt hàng năm (xem Thuyết minh (f)).

**(i) Vốn cổ phần**

**Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(j) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(k) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(m) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

**(n) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là sản xuất và kinh doanh điện năng, và một khu vực địa lý, là Việt Nam.

**(o) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Công ty không có bộ phận kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Công ty không có các thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	856.497.000	190.054.700
Tiền gửi ngân hàng	119.571.255.488	41.431.091.039
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	30.000.000.000
	<b>140.427.752.488</b>	<b>71.621.145.739</b>

**9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Công ty Mua bán điện	177.279.130.796	166.117.171.457
Khách hàng khác	5.396.228.502	5.980.676.871
	<b>182.675.359.298</b>	<b>172.097.848.328</b>

**(b) Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan**

	<b>30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Công ty Mua bán Điện	177.279.130.796	166.117.171.457
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân	167.876.800	4.507.605.900
Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	3.352.857.154	-
	<b>348.508.784</b>	<b>170.624.777.357</b>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và thu được trong 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu ngắn hạn khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình	10.745.869.074	10.745.869.074
Thuế thu nhập cá nhân	105.866.446	328.395.639
Lãi tiền gửi	-	290.277.660
Tạm ứng nhân viên	1.403.010.200	696.850.000
Tiền sửa độc hại	209.172.252	148.374.326
Khác	90.892.634	286.935.734
	<hr/>	<hr/>
	12.554.810.606	12.496.702.433

**(b) Phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình	10.745.869.074	10.745.869.074

Khoản phải thu từ Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình (“Ban Quản lý”) không đảm bảo, không hưởng lãi và thu được sau khi Ban Quản lý hoàn thành việc quyết toán Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình.

**11. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi đường	-	-	3.498.346.700	-
Nguyên vật liệu	71.874.525.801	(98.226.929)	71.298.231.316	(98.226.929)
Công cụ và dụng cụ	547.546.877	-	485.455.038	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	139.625.872	-	233.643.693	-
Thành phẩm	451.308.634	-	105.170.180	-
Hàng hóa	99.316.214	-	49.456.765	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	73.112.323.398	(98.226.929)	75.670303.692	(98.226.929)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 776 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2016: 776 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**12. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	84.496.877.359	331.655.960.254	23.362.796.920	3.818.553.313	443.334.187.846
Mua mới	1.406.325.000	-	-	321.623.636	1.727.948.636
Số dư cuối kỳ	85.903.202.359	331.655.960.254	23.362.796.920	4.140.176.949	445.062.136.482
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	78.016.141.694	325.179.308.562	17.571.259.642	2.333.452.646	423.100.162.544
Khấu hao trong kỳ	1.079.575.402	1.000.312.206	753.114.738	392.274.603	3.225.276.949
Số dư cuối kỳ	79.095.717.096	326.179.620.768	18.324.374.380	2.725.727.249	426.325.439.493
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	6.480.735.665	6.476.651.692	5.791.537.278	1.485.100.667	20.234.025.302
Số dư cuối kỳ	6.807.485.263	5.476.339.486	5.038.422.540	1.414.449.700	18.736.696.989

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 385.816 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2016: 361.339 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Số dư đầu kỳ	6.211.823.239	-
Tăng trong kỳ	38.075.165.085	2.727.514.396
Chuyển từ công cụ dụng cụ	4.391.574.127	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>48.678.562.451</b>	<b>2.727.514.396</b>

Xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ phản ánh các hạng mục sửa chữa tài sản cố định chưa hoàn thành tại thời điểm cuối kỳ (Thuyết minh 3(f)).

**14. Chi phí trả trước dài hạn:**

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu kỳ	4.436.417.360
Phân bổ trong kỳ	(1.093.403.472)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>3.343.013.888</b>

**15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/6/2016 và 1/1/2016				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:					
• Công ty Cổ phần sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	250.000	5%	5%	2.500.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Phải trả người bán**

	30/6/2016		1/1/2016	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Đông Bắc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	79.188.321.256	79.188.321.256	30.358.950.593	30.358.950.593
Các nhà cung cấp khác	22.848.481.301	22.848.481.301	-	-
	12.730.032.624	12.730.032.624	4.406.096.497	4.406.096.497
	<b>114.766.835.181</b>	<b>114.766.835.181</b>	<b>34.765.047.090</b>	<b>34.765.047.090</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Số tăng trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	733.707.167	47.981.047.680	(35.124.608.959)	13.590.145.888
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.359.207.971	4.238.107.753	(13.359.207.971)	4.238.107.753
Thuế thu nhập cá nhân	-	401.051.849	(401.051.849)	-
Thuế tài nguyên	507.416.760	900.000.000	(1.251.416.760)	156.000.000
Tiền thuê đất	-	1.652.888.000	(1.652.888.000)	-
Các loại thuế khác	-	242.367.589	(242.367.589)	-
	<b>14.600.331.898</b>	<b>55.415.462.871</b>	<b>(52.031.541.128)</b>	<b>17.984.253.641</b>

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Tiền thưởng tiết kiệm nhiên liệu	1.464.481.530	1.464.481.530
Trích trước chi phí sửa chữa lớn (Thuyết minh 3(f))	32.497.136.957	5.615.016.957
Chi phí phải trả khác	523.681.937	945.662.317
	<b>34.485.300.424</b>	<b>8.025.160.804</b>

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả văn phòng dự án	2.899.863.781	2.899.863.781
Quỹ ủng hộ người nghèo	236.496.044	243.496.044
Cổ tức phải trả	20.580.221.379	1.352.483.379
Thuế GTGT trích trước	-	3.254.097.922
Phải trả khác	568.338.017	201.509.413
	<hr/>	<hr/>
	24.284.919.221	7.951.450.539
	<hr/>	<hr/>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2016</b>	<b>30/6/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	3.523.107.925	1.807.236.225
Trích lập trong kỳ	10.114.980.000	6.448.920.000
Tặng khác	40.250.000	-
Sử dụng trong kỳ	(2.161.399.400)	(2.081.935.600)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.516.938.525	6.174.220.625
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp VND	Vốn khác VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015</b>	128.655.000.000	21.789.347.444	45.205.916.759	54.787.886.671	250.438.150.874
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	5.285.159.745	5.285.159.745
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.983.467.520	(5.983.467.520)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.448.920.000)	(6.448.920.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(23.157.900.000)	(23.157.900.000)
Kết chuyển quỹ	-	836.181.818	(836.181.818)	-	-
Biến động khác	-	-	-	(40.810.000)	(40.810.000)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015</b>	128.655.000.000	22.625.529.262	50.353.202.461	24.441.948.896	226.075.680.619
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	128.655.000.000	22.981.729.262	49.997.002.461	68.030.548.848	269.664.280.571
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	16.615.619.423	16.615.619.423
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	14.662.130.000	(14.662.130.000)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.114.980.000)	(10.114.980.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	(19.298.250.000)	(19.298.250.000)
Kết chuyển quỹ (Thuyết minh 23)	-	1.406.325.000	(1.406.325.000)	-	-
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016</b>	128.655.000.000	24.388.054.262	63.252.807.461	40.570.808.271	256.866.669.994

## Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016 và 1/1/2016	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	12.865.500	128.655.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	128.655.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.865.500	128.655.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

### 23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Khi quỹ đầu tư phát triển được sử dụng để mua tài sản cố định mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, phần được sử dụng được kết chuyển tăng vốn khác của Công ty.

### 24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 5 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền cho năm 2015 trị giá 19.298.250.000 VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 23.157.900 VND).



**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Doanh thu bán điện	346.055.877.011	344.764.203.287
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	6.763.191.538	4.908.658.170
	<hr/>	<hr/>
	352.819.068.549	349.672.861.457

**26. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Giá vốn bán điện	305.027.879.486	319.207.646.147
Giá vốn bán sản phẩm khác	6.605.172.438	4.660.573.334
	<hr/>	<hr/>
	311.633.051.924	323.868.219.481

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	453.044.499	189.499.085

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	13.464.518.693	11.523.168.585
Chi phí vật liệu	81.869.869	128.624.541
Chi phí công cụ dụng cụ	319.801.342	523.557.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	781.184.401	771.535.320
Chi phí thuế, phí và lệ phí	917.127.426	948.111.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	835.440.011	1.045.596.090
Chi phí khác	4.514.584.667	4.345.222.851
	<hr/>	<hr/>
	20.914.526.409	19.285.816.790

**29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	232.177.807.145	252.227.575.270
Chi phí nhân công	60.457.495.511	44.883.251.255
Chi phí khấu hao	3.225.276.949	3.914.358.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.282.601.074	1.305.310.712
Chi phí sửa chữa lớn	26.882.120.000	24.942.706.500
Chi phí khác	7.774.284.877	11.220.261.072

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	4.238.107.753	1.515.364.574

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.853.727.176	6.800.524.319
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	4.170.745.435	1.496.115.350
Chi phí không được khấu trừ thuế	67.362.318	19.249.224
	4.238.107.753	1.515.364.574

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế tính thuế từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 (năm 2015: 22%).

**31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	16.615.619.423	5.285.159.745
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	12.865.500	12.865.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.291	411

**Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình****Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>30/6/2015 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b> <b>Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty TNHH Một thành viên</b> Cổ tức được chia	10.568.160.000	12.681.792.000
<b>Các công ty liên quan</b> <b>Công ty Mua Bán Điện</b> Doanh thu bán điện	346.055.877.011	344.764.203.287
<b>Công ty Dịch vụ Sửa chữa các nhà máy điện</b> Doanh thu dịch vụ	3.048.051.958	-
<b>Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân</b> Doanh thu dịch vụ	152.615.273	-
<b>Chủ tịch và Ban Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	531.600.000	512.400.000

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Kỳ kết thúc ngày  
30/6/2016  
VND

Mua sắm tài sản cố định chưa thanh toán

11.132.875.000

---

12 -08- 2016

Người lập:



Phạm Thị Thanh Bình  
Người lập

Người duyệt:



Lương Thị Nguyệt  
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Đoàn  
Tổng Giám đốc